

Số: 54/2012/BC-HĐQT

Hà nội, Ngày 20 tháng 04 năm 2012

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

### A. TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN  
TÂY BẮC  
Tên giao dịch: KTB  
Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân-P.Nhật Tân- Q.Tây Hồ- Hà Nội  
Điện thoại: 04.3719.8888 Fax: 04.3719.2222  
Vốn điều lệ: 268.000.000.000 đồng

### B. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

#### I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

##### 1. Lịch sử hình thành:

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Khoáng Sản Tây Bắc tiền thân là Công ty Cổ Phần Molybden Việt Nam- Thành viên của Tập Đoàn Vinamotor Việt Nam(được xếp hạng vào top “500 Doanh Nghiệp lớn nhất Việt Nam” do Báo Điện Tử Vietnamnet bình chọn và công bố) Được thành lập ngày 20 tháng 12 năm 2006 và chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần đầu tư khoáng sản Tây Bắc vào ngày 08 tháng 07 năm 2010.

Từ một Doanh Nghiệp Cổ Phần với vốn điều lệ ban đầu là: 10.000.000.000 đồng, Công ty đã tiến hành tăng vốn lần 2 lên 50.000.000.000 đồng bằng hình thức góp thêm vốn giữa các cổ đông sáng lập và hoàn tất việc tăng vốn lần 2 khi kết thúc năm tài chính 31/12/2010, sau đó chính thức chuyển tên thành Công ty cổ phần đầu tư khoáng sản Tây Bắc và tăng vốn điều lệ lên 268.000.000.000 đồng vào ngày 08/07/2010.

Công ty đã nộp hồ sơ Công ty đại chúng lên UBCK nhà nước và chính thức trở thành Công ty đại chúng theo công văn số 2785/UBCK-QLPH của UBCKNN ngày 06/09/2010.

## 2. Quá trình phát triển:

### a. Ngành nghề kinh doanh:

- ✓ Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến, buôn bán các loại khoáng sản và luyện kim(trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm)
- ✓ Nhập khẩu các thiết bị khai thác, chế biến khoáng sản và luyện kim
- ✓ Lập dự án đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến khoáng sản và luyện kim
- ✓ Xây dựng công trình giao thông
- ✓ Dịch vụ vận chuyển hành khách,vận chuyển hàng hóa bằng ô tô theo hợp đồng
- ✓ Xây dựng công trình công ích
- ✓ Xây dựng nhà các loại
- ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
- ✓ Phá dỡ
- ✓ Chuẩn bị mặt bằng(không bao gồm rà phá bom mìn)
- ✓ Lắp đặt hệ thống điện
- ✓ Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí
- ✓ Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
- ✓ Hoàn thiện công trình xây dựng
- ✓ Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- ✓ Sản xuất truyền tải và phân phối điện
- ✓ Khai thác đá,cát sỏi, đất sét
- ✓ Bán buôn sắt thép
- ✓ Bán buôn quặng kim loại
- ✓ Bán buôn kim loại khác
- ✓ Bán buôn gạch xây,ngói, đá,cát,sỏi
- ✓ Bán buôn xi măng
- ✓ Bán buôn vật liệu,thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- ✓ Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại(trừ phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường)
- ✓ Khai thác,xử lý và cung cấp nước
- ✓ Thoát nước và xử lý nước thải
- ✓ Tái chế phi kim loại
- ✓ Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới
- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ
- ✓ Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải thủy nội địa
- ✓ Bóc xếp hàng hóa
- ✓ Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
- ✓ Đại lý

b. Tình hình hoạt động:

Những năm mới đi vào hoạt động, Công ty chủ yếu triển khai công tác xin thuận chủ trương, tìm kiếm và thăm dò, xin phép đầu tư các mỏ nên doanh thu từ khai thác hầu như không có. Cụ thể, năm 2008, doanh thu của Công ty chủ yếu từ hoạt động khác (vận tải chuyên dụng) và doanh thu này chiếm 65% trên tổng doanh thu. Hoạt động khai thác ở giai đoạn manh mún nhỏ lẻ và tổng doanh thu từ khai thác vàng và antimon chỉ chiếm 35% trên tổng doanh thu thuần.

Từ đầu năm 2009, Công ty đã mở rộng hoạt động khai thác, sản xuất, kinh doanh khoáng sản nên tỷ trọng doanh thu mang lại từ hoạt động khai thác đã tăng lên và chiếm tỷ trọng 95% trên tổng doanh thu, doanh thu khác giảm chỉ còn 5%, sự sụt giảm nhanh tỷ lệ doanh thu khác một phần là do Công ty đẩy mạnh tập trung vào hoạt động đầu tư dự án khai thác và chủ động giảm hoạt động vận tải chuyên dụng.

Năm 2010, doanh thu từ quặng antimon tăng lên khá rõ rệt và chiếm 73,68%, hoạt động khai thác khoáng sản đã được đẩy mạnh và doanh thu khác chiếm 10,52% trong 6 tháng đầu năm 2010 chủ yếu đến từ hoạt động cho thuê máy móc khai thác đối với một số máy móc Công ty đã mua cho triển khai dự án nhưng chưa sử dụng do dự án chưa triển khai kịp theo tiến độ. Dự kiến trong năm 2011, khi các dự án khai thác quặng sắt đi vào hoạt động thì doanh thu từ sản phẩm quặng sắt sẽ tăng đột biến.

Hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện chủ yếu trên địa bàn các tỉnh khu vực Tây Bắc như Bắc Cạn, Lào Cai, Sơn La, Hòa Bình, Yên Bái, Lai châu Điện Biên, ... các lĩnh vực hoạt động chính bao gồm:

- ✓ Vàng
- ✓ Quặng Molybden
- ✓ Tinh quặng sắt
- ✓ Quặng đồng vàng
- ✓ Quặng antimon

Thị trường tiêu thụ: Cung cấp nguyên liệu cho các Công ty sản xuất trong nước, và xuất khẩu một phần sang các nước như Nhật Bản, Trung Quốc....

### 3. Định hướng phát triển của Công ty

#### ❖ Tuân thủ pháp luật:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn tuân thủ theo các quy định của pháp luật, bảo vệ môi trường, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, tích cực đóng góp vào sự phát triển chung của địa phương và đất nước

#### ❖ Đầu tư phù hợp:

Mặc dù mới chính thức hoạt động từ 12/2006 nhưng sản phẩm của Công ty đã được nhiều Công ty trong nước cũng như nước ngoài biết đến. Hiện nay, nhà nước đã có nhiều thay đổi về chính sách trong việc khai thác và chế biến

khoáng sản để đảm bảo cho việc khai thác tài nguyên khoáng sản được sử dụng hợp lý và có hiệu quả.

Để khai thác và sử dụng hợp lý và có hiệu quả các tài nguyên khoáng sản, Công ty đã không ngừng đầu tư vào trang thiết bị, dây chuyền công nghệ khai thác được nhập khẩu chủ yếu từ nước ngoài như: Đức, Ý, Trung Quốc... Hiện nay, Công ty đang sử dụng những công nghệ và trang thiết bị trong thăm dò, khai thác và sản xuất khoáng sản rất phù hợp với địa chất của từng vùng cũng như đáp ứng được những yêu cầu khắt khe về đảm bảo an toàn sản xuất, bảo vệ môi trường sinh thái.....

#### ❖ **Chính sách chất lượng:**

Công ty rất chú trọng đầu tư cho khâu quản lý, giám sát chất lượng sản phẩm từ khai khoáng đến từng công đoạn. Để đủ tiêu chuẩn bán ra thị trường, các sản phẩm từ khai khoáng của Công ty đều phải trải qua những công đoạn kiểm tra, giám sát sau: lọc quặng nguyên khai

Sau quặng nguyên khai được đưa vào quy trình sàng lọc, nghiền tuyển với các máy móc hiện đại, sản phẩm sau tuyển chọn sẽ được đưa vào phòng thí nghiệm để phân tích hàm lượng quặng. Chỉ những lô sản phẩm có chất lượng tốt, đủ tiêu chuẩn bán ra thị trường mới được phép lưu kho sản phẩm

Toàn bộ quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm quặng của Công ty đều được áp dụng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000.

#### ❖ **Phát triển nguồn nhân lực:**

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, tác phong phục vụ chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình.

Công ty chú trọng đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ. Người lao động luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác

Công ty luôn chú trọng cải tiến chính sách lương, thưởng theo hướng tạo động lực thúc đẩy sáng tạo và đóng góp tích cực của người lao động.

## II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

### 1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	TH 2011	Tỷ lệ % so với	
			KH 2011	TH 2010
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	194.072.325.009	114,16%	127,76%
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu			
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	194.072.325.009		127,76%
4.	Giá vốn hàng bán	152.973.925.365		126,46%
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	41.098.399.644		132,83%
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	961.737.250		122,29%
7.	Chi phí tài chính			
	Trong đó: chi phí lãi vay			
8.	Chi phí bán hàng			
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.782.362.110		151,21%
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	38.277.774.784		131%
11.	Thu nhập khác			
12.	Chi phí khác	438.641.942		48,8%
13.	Lợi nhuận khác	-438.641.942		-0,19%
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	37.839.132.842		14%
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.569.443.696	109,36%	14,45%
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.269.689.146	110,86%	14,23%
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1054,8	110,86%	14,23%

Doanh thu năm 2011 tăng 27,76% so với năm 2010 là do trong năm 2011 doanh thu từ hoạt động thương mại tăng cộng với doanh thu một số mỏ của Công ty đã đi vào khai thác và cho ra sản phẩm như mỏ sắt núi 409, mỏ sắt cận còng. Đồng thời, Công ty đã có những cải cách lớn trong khâu quản lý doanh nghiệp, cải tiến máy móc kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và tiết giảm tối đa các chi phí phát sinh nhằm đạt hiệu quả tối đa trong sản xuất kinh doanh, đem lại nguồn doanh thu lớn cho Doanh Nghiệp.

### 2. Đầu tư mở rộng sản xuất trong năm:

Trong năm 2011, Công ty đã đưa vào khai thác thêm được một số mỏ, đặc biệt là các điểm mỏ quặng sắt với trữ lượng lớn. Đồng thời, nhà máy chế biến Đồng- Vàng tại Phù Yên, Sơn La dự kiến trong quý I năm 2012 sẽ đi vào hoạt động nhằm tăng khả năng cạnh tranh cũng như nâng cao chất lượng sản phẩm trước khi tiêu thụ trên thị trường.

### 3. Chiến lược phát triển:

-Nghiên cứu thị trường tiêu thụ sản phẩm, vạch ra chiến lược Marketing, tạo lợi thế cạnh tranh khi thị trường tiêu thụ sản phẩm được mở rộng.

-Tích cực tìm kiếm,thăm dò và xin cấp phép thêm các mỏ mới nhằm đáp ứng cho các dự án đầu tư mang tính dài hơi, đòi hỏi vốn đầu tư lớn, phục vụ cho kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty

-Liên doanh,liên kết với các đối tác nước ngoài, từng bước xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài.

-Tăng cường công tác quản lý doanh nghiệp, nhằm đáp ứng được nhu cầu phát triển của Công ty trong tương lai.

### III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

#### 1. Báo cáo tình hình tài chính:

##### a. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
1	Cơ cấu tài sản:			
	Tài sản dài hạn/tổng tài sản	%	85,31	86,4
	Tài sản ngắn hạn/tổng tài sản		14,69	13,6
2	Cơ cấu nguồn vốn:			
	Nợ phải trả/tổng nguồn vốn	%	27,46	20,2
	Nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn		72,54	79,8
3	Khả năng thanh toán:			
	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,28	0,42
	Khả năng thanh toán hiện hành		0,53	0,68
4	Tỷ suất lợi nhuận:			
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản		9,43	73,1
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	14,56	130,8
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		10,54	68,7

#### Phân tích các chỉ tiêu tài chính:

- Nhóm chỉ tiêu cơ cấu tài sản:

Năm 2011, Tổng tài sản của Công ty tăng 39,2 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 10,8% so với năm 2010. Tài sản ngắn hạn tăng 9,6 tỷ tương ứng với tỷ lệ tăng là 19,4%, trong đó chỉ tiêu tiền và các khoản tương đương tiền giảm 90,4%; hàng tồn kho tăng 130% ;các khoản phải thu ngắn hạn tăng 20,11%; tài sản ngắn hạn khác tăng 15,6%. Tài sản dài hạn tăng 9,4%.

- Nhóm chỉ tiêu cơ cấu nguồn vốn:

Nhóm chỉ tiêu nợ phải trả/tổng nguồn vốn năm 2011 là 27,46% cho thấy hệ số nợ của Công ty là nhỏ, bảo đảm sự lành mạnh về tài chính, đồng thời thể hiện khả năng cho phép Công ty huy động nguồn vốn tín dụng để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như cho nhu cầu đầu tư phát triển tại Công ty.

Chỉ tiêu nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn năm 2011 đạt 72,54% giảm so với năm 2010 nhưng vẫn cho thấy khả năng tài trợ vốn của Công ty hiện tại là rất tốt – bảo đảm hoàn toàn nguồn vốn cho tài sản dài hạn và một phần lớn cho tài sản ngắn hạn.

- Nhóm chỉ tiêu khả năng thanh toán:

Chỉ tiêu khả năng thanh toán nhanh năm nay bằng 0,28, khả năng thanh toán hiện hành là 0,53 thấp hơn năm trước, vẫn chứng tỏ khả năng thanh toán nhanh của Công ty tiếp tục được đảm bảo, tạo sự tin tưởng cho khách hàng cũng như khả năng đáp ứng nhu cầu vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Nhóm chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận:

Các chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận năm 2011 ở mức thấp so với năm 2010 là do trong năm Công ty tăng cường đầu tư trang thiết bị, dây chuyền máy móc nhằm tăng công suất khai thác, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường từng bước giảm dần doanh thu thương mại, tập trung chính vào khâu sản xuất và tiêu thụ sản phẩm khai thác được.

b. Những thay đổi về vốn điều lệ và cổ tức:

Tỷ lệ chia cổ tức thay đổi so với năm 2010 như sau:

- Năm 2010: Tỷ lệ chia cổ tức là 5% tương đương 13,4 tỷ đồng
- Năm 2011 (dự kiến chờ đại hội cổ đông thông qua): Tỷ lệ chia cổ tức là 5% tương đương 13,4 tỷ đồng.

**2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Doanh thu năm 2011 đạt 194.072.325.009 đồng, bằng 114,6% so với kế hoạch đặt ra là do các mỏ sắt của Công ty đã cho ra sản phẩm và hoạt động thương mại vẫn đem lại nguồn thu lớn cho Công ty.

**3. Kế hoạch năm 2012:**

Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 chờ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 thông qua:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2011
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	232.886	194.072
2	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	33.923	28.269
3	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	5%	5%
4	Vốn điều lệ	Triệu đồng	268.000	268.000

5	Đầu tư mới	Triệu đồng	60.000	40.000
6	Thu nhập bình quân	Triệu đồng /người/tháng	8	6
7	Nộp ngân sách	Triệu đồng	12.000	9.569

#### IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH( *Đã được kiểm toán*)

##### 1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011)

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>58.987.913.874</b>	<b>49.387.464.883</b>
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	252.976.933	2.642.445.569
111	Tiền		252.976.933	2.642.445.569
<b>120</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	-
<b>130</b>	<b>Phải thu ngắn hạn</b>		<b>30.708.627.716</b>	<b>25.566.921.848</b>
131	Phải thu khách hàng	V.2	23.203.111.308	24.145.421.845
132	Trả trước cho người bán		7.505.516.408	1.421.500.003
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	V.3	<b>7.130.149.188</b>	<b>3.099.292.573</b>
141	Hàng tồn kho		7.130.149.188	3.099.292.573
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>20.896.160.037</b>	<b>18.078.804.893</b>
152	Thuế GTGT được khấu trừ		608.382.728	1.959.441.259
158	Tài sản ngắn hạn khác	V.4	20.287.777.309	16.119.363.634
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>342.483.249.306</b>	<b>312.927.460.212</b>
210	Các khoản phải thu dài hạn		-	-
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>96.644.924.306</b>	<b>66.858.226.713</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	V.5	16.870.694.633	13.318.654.912
222	Nguyên giá		18.594.487.916	13.853.812.645
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.723.793.283)	(535.157.733)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.6	79.774.229.673	53.539.571.801
<b>240</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>		-	-
<b>250</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>235.590.000.000</b>	<b>235.590.000.000</b>
252	Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	V.7	235.590.000.000	235.590.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		10.248.325.000	10.479.233.499
261	Chi phí trả trước dài hạn		-	230.908.499
268	Tài sản dài hạn khác	V.8	10.248.325.000	10.248.325.000
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>401.471.163.180</b>	<b>362.314.925.095</b>



Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>108.411.978.622</b>	<b>73.185.744.910</b>
310	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>108.411.978.622</b>	<b>73.185.744.910</b>
312	Phải trả người bán		4.388.881.707	6.716.439.108
313	Người mua trả tiền trước		15.350.000.000	-
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.9	73.794.584.604	66.239.221.997
315	Phải trả công nhân viên		405.010.283	103.894.050
319	Các khoản phải trả, phải nộp khác	V.10	13.410.897.006	3.269.506
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.062.605.022	122.920.249
330	<b>Nợ dài hạn</b>		-	-
400	<b>NGUỒN VỐN</b>		<b>293.059.184.558</b>	<b>289.129.180.185</b>
410	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>V.11</b>	<b>293.059.184.558</b>	<b>289.129.180.185</b>
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		268.000.000.000	268.000.000.000
417	Quỹ đầu tư phát triển		4.250.420.088	257.240.498
418	Quỹ Dự phòng tài chính		2.125.210.044	128.620.249
420	Lợi nhuận chưa phân phối	V.12	18.683.554.426	20.743.319.438
430	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>401.471.163.180</b>	<b>362.314.925.095</b>

## 2. BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>VI.1</b>	<b>194.072.325.009</b>	<b>151.906.522.675</b>
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>194.072.325.009</b>	<b>151.906.522.675</b>
11	<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>VI.2</b>	<b>152.973.925.365</b>	<b>120.966.455.728</b>
20	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>41.098.399.644</b>	<b>30.940.066.947</b>
21	Doanh thu hoạt động tài chính	<b>VI.3</b>	<b>961.737.250</b>	<b>786.436.561</b>
22	Chi phí tài chính	<b>VI.4</b>	-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	Chi phí bán hàng		-	-
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp		<b>3.782.362.110</b>	<b>2.501.326.883</b>
30	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>38.277.774.784</b>	<b>29.225.176.625</b>
31	Thu nhập khác	<b>VI.5</b>	-	<b>235.689.583.337</b>

32	Chi phí khác	<b>VI.5</b>	<b>438.641.942</b>	<b>899.352</b>
<b>40</b>	<b>Lợi nhuận khác</b>		<b>(438.641.942)</b>	<b>235.688.683.985</b>
<b>50</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>		<b>37.839.132.842</b>	<b>264.913.860.610</b>
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	<b>VI.6</b>	<b>9.569.443.696</b>	<b>66.228.465.153</b>
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
<b>60</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>28.269.689.146</b>	<b>198.685.395.457</b>
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>VI.7</b>	<b>1.054,8</b>	<b>7.413,6</b>

### 3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>37.839.132.842</b>	<b>264.913.860.610</b>
	Điều chỉnh cho các khoản		
02	Khấu hao TSCĐ	1.188.635.550	204.231.112
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(961.737.250)	(236.476.019.898)
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>38.066.031.142</b>	<b>28.642.071.824</b>
09	Tăng, giảm các khoản phải thu	(7.959.061.012)	(28.996.186.654)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho	(5.020.054.241)	1.718.423.496
11	Tăng, giảm các khoản phải trả	11.757.862.087	5.225.482.807
12	Tăng, giảm chi phí trả trước	230.908.499	2.286.158.315
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(2.040.756.844)	(857.468.326)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	454.565.154
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(438.641.942)	-
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>34.596.287.689</b>	<b>8.473.046.616</b>
	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(37.947.493.575)	(57.298.601.932)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	961.737.250	786.436.561
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(36.985.756.325)</b>	<b>(56.512.165.371)</b>
	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	38.000.000.000
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>-</b>	<b>38.000.000.000</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>(2.389.468.636)</b>	<b>(10.039.118.755)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>2.642.445.569</b>	<b>12.681.564.324</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>252.976.933</b>	<b>2.642.445.569</b>

## **V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

### **1. Đơn vị kiểm toán độc lập:**

Công ty TNHH Kiểm toán Kreston ACA Việt Nam

Địa chỉ: Phòng 1401, Toà nhà 17T5 Trung Hoà - Nhân Chính, Hà nội.

Điện thoại: 04.62811488

Fax: 04. 62811499

Kiểm toán viên: Nguyễn Anh Dũng, Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1379/KTV.

### **2. Ý kiến của kiểm toán độc lập**

*Số: 167/BCKT 2012/Kreston ACA*

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của  
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc*

**Kính gửi: Các cổ đông và Hội đồng Quản trị  
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày từ trang 07 đến trang 21 kèm theo.

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Tuy không đưa ra ý kiến ngoại trừ, nhưng chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính các vấn đề sau :

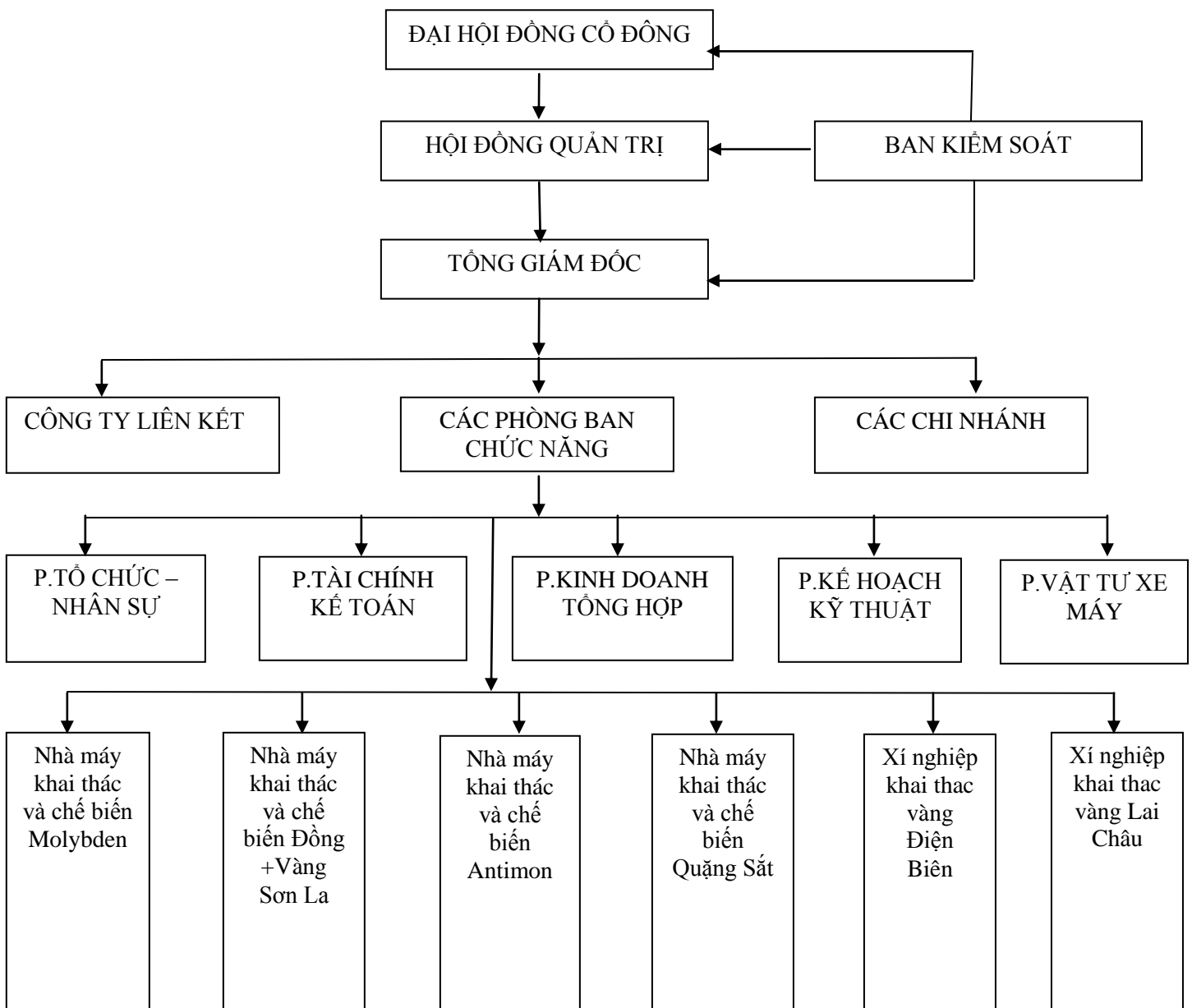
Như đã trình bày tại Thuyết minh số II.1, tại ngày 31/12/2011, công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền khoảng 57,4 tỷ đồng (31/12/2010 là 23,7 tỷ đồng). Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 sẽ khả quan, các cổ đông chính của Công ty sẽ tiếp tục cung cấp nguồn tài chính và các khoản tín dụng cho Công ty tại bất cứ thời điểm nào. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

## VI. CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

1. Công ty nắm giữ cổ phần chi phối đối với Công ty cổ phần Đầu tư khoáng sản Tây Bắc: Không có
2. Tình hình đầu tư vào Công ty có liên quan:
  - Công ty cổ phần An Hồng Phương
  - Địa chỉ: Tổ 9 Phường Phùng Chí Kiên, TX.Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn
  - Tỷ lệ vốn góp: Công ty góp vốn vào Công ty cổ phần An Hồng Phương bằng quyền khai thác các mỏ quặng sắt Cận công, 409 tại Yên Bái; mỏ Antimon Hòa Bình; mỏ vàng Pắc ta tại Lai Châu. Quyền biểu quyết của Công ty cổ phần ĐTKS Tây Bắc tại Công ty Cổ Phần An Hồng Phương là 49%.

## VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### 1. Sơ đồ tổ chức quản lý Công ty:



## **Tóm tắt lý lịch của các cổ đông trong ban điều hành:**

### ▪ **Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị:**

Họ và Tên : Nguyễn Thị Hiên  
Giới tính : Nữ  
Ngày tháng năm sinh : 27/07/1967  
CMND số : 013326670 cấp ngày 26/06/2010 tại Hà Nội  
Nơi sinh : Bắc Giang  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Quê quán : Xuân tiến, Tụ Lạn, Việt Yên, Bắc Giang  
Địa chỉ thường trú : P302, Nơ 4A, Bán đảo Linh Đàm, P.Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội  
Trình độ văn hóa : 10/10  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân

### **Quá trình công tác:**

- Từ 1985-1989 : Nhân viên Bưu điện tỉnh Bắc Giang  
- Từ 2000-2003 : Học tại Học viện công nghệ Bưu chính viễn thông  
- Từ 2004-12/2006 : Nhân viên Bưu điện Bắc Giang  
- Từ 1/2007-9/2010 : Trưởng Phòng Kế hoạch Vật tư-Công ty TNHH Hùng Dũng  
- Từ 10/2010-11/2011 : Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần luyện kim Phú Thịnh  
- Từ 12/2011- đến nay : Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần Đầu tư khoáng sản Tây Bắc  
Số cổ phần nắm giữ: : 100.000 cổ phần  
Đại diện sở hữu nhà nước: : 0 cổ phần  
Sở hữu cá nhân: : 100.000 cổ phần  
Hành vi vi phạm pháp luật: : Không  
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty : không

### ▪ **Thành viên Hội đồng Quản trị**

Họ và tên: Nguyễn Hồng Tiến  
Ngày sinh: 08/05/1955  
Nơi sinh: Bắc Giang

- |                      |                                         |
|----------------------|-----------------------------------------|
| Quốc tịch:           | Việt Nam                                |
| Dân tộc:             | Kinh                                    |
| Quê quán:            | Tự lạn-Việt yên-Bắc Giang               |
| Địa chỉ thường trú:  | 67/322-Lê Trọng Tấn-Q.Thanh Xuân-Hà Nội |
| Trình độ văn hóa:    | 10/12                                   |
| Trình độ chuyên môn: | Trung cấp                               |
- **Quá trình công tác:**

Từ 1972-05/2009:	Bộ đội
Từ 10/2009-05/2011:	Thành viên ban kiểm soát Tổng Công ty cổ phần khoáng sản Na rì Hamico
Từ 06/2011-nay:	Ủy viên HĐQT-Công ty cổ phần ĐTKS Tây Bắc
Chức vụ hiện nay:	Thành viên HĐQT
Số cổ phần nắm giữ:	0 cổ phần
Đại diện sở hữu nhà nước:	0 cổ phần
Sở hữu cá nhân:	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	không
  - **Thành viên Hội đồng Quản trị**

Họ và tên:	Hoàng Kim Thành
Ngày sinh:	15/02/1960
Nơi sinh:	Đông Anh,Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Đông Anh,Hà nội
Địa chỉ thường trú:	Lô 32 BT3,P.Hoàng Liệt,Hà nội
Trình độ văn hóa:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Đại học Sư Phạm
  - **Quá trình công tác:**

Từ 1981-1985:	Cán bộ văn hóa ,thể thao gang thép Thái Nguyên
Từ 1985-1998:	Cán bộ Dịch vụ thương nghiệp TX Bắc Kạn
Từ 1998-2003:	GV Giảng dạy văn hóa,Sở giáo dục tỉnh Bắc Kạn
Từ 2003-2009:	CB quản lý giáo dục, Sở GD&ĐT tỉnh Bắc Kạn
Từ 2009-đến nay	Công ty cổ phần ĐTKS Tây Bắc
Chức vụ hiện nay:	Ủy viên HĐQT

Số cổ phần nắm giữ:	100.000 cổ phần
Đại diện sở hữu nhà nước:	0 cổ phần
Sở hữu cá nhân:	100.000 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	không

▪ **Thành viên Hội đồng Quản trị**

Họ và tên:	Hứa Trung Sỹ
Ngày sinh:	16/04/1971
Nơi sinh:	Thái Nguyên
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Đông Hỷ-Thái Nguyên
Địa chỉ thường trú:	Tổ 16,P.Sông Cầu,TX. Bắc Kạn
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế

▪ **Quá trình công tác:**

Từ 04/1995-12/2006:	Công nhân Công ty Xăng Dầu Bắc Thái
Từ 01/2007-đến nay:	Tổng Công ty cổ phần Khoáng Sản Na rì Hamico
Chức vụ hiện nay:	Ủy viên HĐQT
Số cổ phần nắm giữ:	100.000 cổ phần
Đại diện sở hữu nhà nước:	0 cổ phần
Sở hữu cá nhân:	100.000 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không

▪ **Thành viên Hội đồng Quản trị**

Họ và tên:	Đào Bá Tuấn
Ngày sinh:	16/11/1977
Nơi sinh:	Hà Tây
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Ngọc Hòa-Chương Mỹ-Hà Tây
Địa chỉ thường trú:	Số 23A Ngõ 400 Hoàng Hoa Thám-Hà Nội
Trình độ văn hóa:	12/12



Trình độ chuyên môn: Cử nhân kỹ thuật

▪ **Quá trình công tác:**

Từ 2000-đến nay: Cán bộ thiết kế Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Bắc Kạn

Chức vụ hiện nay: Ủy viên HĐQT

Chức vụ ở tổ chức khác: Nhân viên thiết kế Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Bắc Kạn

Số cổ phần nắm giữ: 100.000 cổ phần

Đại diện sở hữu nhà nước: 0 cổ phần

Sở hữu cá nhân: 100.000 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với: Không

lợi ích của Công ty

**3. Thay đổi Giám Đốc điều hành trong năm:**

Bà Nguyễn Thị Hiền thay ông Trần Văn Tặng giữ chức Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần đầu tư khoáng sản Tây Bắc kể từ ngày 13/12/2011.

**4. Quyền lợi của Ban Giám Đốc trong năm 2011**

TT	Chức danh	Lương	Thưởng	Khác	Cộng
1	Tổng Giám Đốc	180.000.000	36.000.000		216.000.000
2	Phó Tổng Giám Đốc	144.000.000	18.000.000		162.000.000
3	Kế toán trưởng	120.000.000	12.000.000		132.000.000

**5. Số lượng người lao động trong Công ty:**

Tính đến ngày 31/12/2011, số lượng cán bộ nhân viên, công nhân khai thác của Công ty là 285 người, trong đó có 176 lao động ký hợp đồng lao động trên 1 năm.

**6. Chính sách đối với người lao động:**

▪ **Chế độ làm việc:**

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1 giờ. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh, Công ty có thể yêu cầu cán bộ nhân viên làm thêm giờ và thực hiện các chế độ trợ cấp thêm giờ theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: Nhân viên được nghỉ lễ và Tết 9 ngày theo quy định của Bộ luật lao động. Những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những nhân viên có thời gian

làm việc chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên được cộng thêm 01 ngày phép.

**Nghỉ ốm,thai sản:** Nhân viên Công ty khi nghỉ ốm sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật lao động. Trong thời gian nghỉ thai sản(4 tháng) người lao động sẽ được nhận trợ cấp thai sản tương đương 04 tháng tiền lương do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả.

**Điều kiện làm việc:** Công ty bố trí văn phòng làm việc cho cán bộ nhân viên khang trang, thoáng mát,. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động. Các nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt trong toàn Công ty.

▪ **Chính sách đào tạo:**

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

**Đối với lao động trực tiếp:** mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng. Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.

**Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ:** Công ty luôn tạo điều kiện tham gia học với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước...

▪ **Chính sách lương,thưởng:**

- Công ty xây dựng quy chế về quản lý và phân phối tiền lương áp dụng thống nhất trong

toàn Công ty. Tiền lương được thực hiện theo nguyên tắc phân phối lao động và hiệu quả hoạt động của từng bộ phận. Tiền lương được sử dụng như một đòn bẩy để kích thích người lao động tích cực tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Lương bình quân của công nhân sản xuất tại các xưởng, nhà máy:  
4.500.000đ/tháng

Lương bình quân của khối hành chính: 6.000.000 đ/tháng.

- Ngoài các quyền lợi được quy định bởi luật lao động, cán bộ CNV còn được hưởng một số quyền lợi khác như được ưu tiên mua cổ phiếu và trái phiếu của Công ty.

- Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành suất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh.

**7. Thay đổi thành viên hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị gồm có 5 thành viên. Trong năm 2011, đã có 2 sự thay đổi thành viên hội đồng quản trị: Bà Nguyễn Thị Hiên thay ông Trần Văn Tạng và ông Nguyễn Hồng Tiến thay ông Nguyễn Văn Dũng

**8. Thay đổi thành viên Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát gồm có 3 thành viên. Trong năm không có sự thay đổi thành viên Ban Kiểm Soát.

**VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**1. Hội đồng quản trị và ban kiểm soát:**

**a. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị tại thời điểm ngày 31/12/2011:**

<b>TT</b>	<b>Hội Đồng Quản Trị</b>	<b>Chức vụ</b>
1	Nguyễn Thị Hiên	Chủ tịch-Kiểm Tổng giám đốc
2	Nguyễn Hồng Tiến	Ủy viên
3	Đào Bá Tuấn	Ủy viên
4	Hứa Trung Sỹ	Ủy viên
5	Hoàng Kim Thành	Ủy viên

**b. Danh sách thành viên Ban kiểm soát:**

<b>TT</b>	<b>Ban kiểm soát</b>	<b>Chức vụ</b>
1	Nguyễn Văn Hưng	Trưởng ban kiểm soát
2	Âu Văn Long	Thành viên
3	Đỗ Thị Thanh Dung	Thành viên

**c. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và ban điều hành:**

**❖ Về ưu điểm:**

- Hội đồng quản trị thống nhất cao về mục tiêu củng cố, ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước; luôn quan tâm đến việc làm, đời sống vật chất và tinh thần, thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước; đảm bảo cổ tức của cổ đông hàng năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- Để chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT đã kịp thời ban hành, điều chỉnh các nghị quyết và chỉ đạo Ban quản lý Công ty trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, thể hiện qua kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính đều đạt được và vượt mức đề ra so với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

- Xây dựng và thực hiện tốt quy chế dân chủ, mọi chủ trương lớn cũng như kế hoạch trung dài hạn trước khi xây dựng và tổ chức thực hiện đều được HĐQT và Ban quản lý tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các đoàn thể, người lao động và các cổ đông, do đó đã tạo được bầu không khí dân chủ, gắn bó của toàn thể CBCNV và cổ đông với Công ty.
- Để điều hành hoạt động của Công ty một cách hiệu quả, Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí bầu ra 05 thành viên Hội đồng quản trị và 03 thành viên Ban kiểm soát.

**❖ Những tồn tại:**

Chưa tận dụng hết lợi thế của Công ty trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, nâng cao hiệu quả khai thác sản phẩm. Chưa chủ động trong việc thăm dò, tìm kiếm, mở rộng địa bàn khai thác các nguồn tài nguyên.

**❖ Biện pháp khắc phục:**

- Xây dựng đồng bộ hệ thống quy chế quản lý nội bộ của Công ty, của HĐQT và các quy chế quy định khác theo yêu cầu quản lý, điều hành Công ty. Tổ chức thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả các quy chế đã ban hành.
- Có kế hoạch cụ thể để giải quyết triệt để, kịp thời và nghiêm túc các tồn tại nảy sinh, Tôn trọng nguyên tắc tập trung dân chủ, củng cố sự đoàn kết thống nhất trong HĐQT và trong Công ty trên cơ sở tuân thủ pháp luật, điều lệ Công ty; khai thác tốt sự hợp tác phối hợp của người lao động và cổ đông của Công ty.

**d. Các thay đổi về tỷ lệ sở hữu của thành viên HĐQT và Ban kiểm soát:**

TT	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu tại ngày 01/05/2011	Tỷ lệ sở hữu tại ngày 13/04/2012	Thay đổi tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phiếu còn nắm giữ
	<b>Hội Đồng Quản Trị</b>	<b>1,11%</b>	<b>0,74%</b>	<b>0,37%</b>	
1	Nguyễn thị Hiền	0,0%	0,0%	0,00%	0
2	Nguyễn hồng tiến	0,0%	0,0%	0,00%	0
3	Đào Bá Tuấn	0,37%	0,37%	0,00%	100.000
4	Hứa Trung Sỹ	0,37%	0,37%	0,00%	100.000
5	Hoàng Kim Thành	0,37%	0,00%	0,37%	0
	<b>Ban kiểm soát</b>	<b>0,108%</b>	<b>0,108%</b>	<b>0,00%</b>	
1	Nguyễn Văn Hưng	0,07%	0,07%	0,00%	20.000

2	Âu Văn Long	0,019%	0,019%	0,000%	5.000
3	Đỗ Thị Thanh Dung	0,019%	0,019%	0,000%	5.000
	<b>Cộng</b>	<b>1,218%</b>	<b>0,848%</b>	<b>0,37%</b>	

f. **Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của thành viên HĐQT và Ban kiểm soát, cổ đông lớn và các cá nhân có liên quan:**

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số CP mua vào	Số CP bán ra	Số CP còn nắm giữ
1	Hoàng Kim Thành	Ủy viên HĐQT	0	100.000	0
2	Nguyễn Văn Dũng	Cổ đông lớn	0	1.400.000	0

## 2. CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

2.1. Cổ đông nhà nước: Không có

2.2. Số liệu về cơ cấu cổ đông:

a. Cổ đông trong nước:

Chỉ tiêu	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ /VDL	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
				Tổ chức	Cá nhân
<b>CỘNG</b>	<b>26.448.810</b>	<b>98,69%</b>	<b>1115</b>	<b>3</b>	<b>1112</b>
<b>Cổ đông nắm giữ trên 5% có quyền biểu quyết</b>					
<b>Cổ đông nắm giữ 5% hoặc dưới 5% có quyền biểu quyết</b>	<b>26.448.810</b>	<b>98,74%</b>	<b>1115</b>	<b>3</b>	<b>1112</b>
Công ty CP Chứng khoán Saigon Tourist	418.820			1	0
Công ty cp thiết kế xây dựng Khải Hoàn	2.000			1	0
Công ty TNHH Tư vấn đầu tư Tâm Nhìn	10			1	0

**b. Cổ đông nước ngoài :**

Chỉ tiêu	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ /VDL	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
				Tổ chức	Cá nhân
Cổ đông nắm giữ 5% hoặc dưới 5% có quyền biểu quyết	351.190	1,31%	13	5	8

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN  
TÂY BẮC  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu văn thư



**NGUYỄN THỊ HIÊN**